|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP  **VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT** | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  **CỤC QUẢN LÝ QUY HOẠCH** |

**TÀI LIỆU GIỚI THIỆU**

**LUẬT QUY HOẠCH**

Ngày 24/11/2017, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV đã thông qua Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, Việt Nam đã chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và trở thành một nước đang phát triển có mức thu nhập trung bình của thế giới. Có được kết quả này là một phần đóng góp quan trọng của công tác quy hoạch. Quy hoạch là một trong những công cụ hữu hiệu để giúp các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo, điều hành và thực hiện những nhiệm vụ chính trị, cụ thể hoá các mục tiêu Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và môi trường. Quy hoạch là căn cứ chủ yếu để các cấp, các ngành định hướng mục tiêu phát triển theo ngành, lãnh thổ và là cơ sở để xây dựng các chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển và các dự án đầu tư.

Tuy nhiên, sau 30 năm đổi mới, nền kinh tế của đất nước đã có nhiều thay đổi, quy mô nền kinh tế lớn gấp nhiều lần trước đây, trong khi công tác quy hoạch chưa theo kịp sự đổi mới và đã bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém, gây khó khăn trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, làm lãng phí nguồn lực của đất nước, ảnh hưởng tới môi trường sinh thái và cản trở các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân. Những hạn chế, yếu kém đó là:

- Quy hoạch được lập quá nhiều nhưng chất lượng quy hoạch thấp, quy hoạch không gắn với nhu cầu sử dụng cũng như nguồn lực thực hiện và thiếu tính khả thi gây lãng phí nguồn lực của đất nước.

- Quy hoạch thiếu gắn kết, không thống nhất và còn nhiều chồng chéo, mâu thuẫn làm giảm hiệu lực, hiệu quả của quy hoạch.

- Quy hoạch chưa thể hiện được vị trí, vai trò là công cụ của nhà nước để điều hành phát triển kinh tế-xã hội và sự kết nối giữa chiến lược với kế hoạch dẫn đến sự thiếu gắn kết trong mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp thực hiện.

- Phương pháp và nội dung quy hoạch chưa đổi mới cho phù hợp với nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch bị buông lỏng, chưa xử lý kịp thời và thiếu kiên quyết trong chỉ đạo điều hành.

Nguyên nhân chính dẫn đến hạn chế, yếu kém của công tác quy hoạch:

- Tư duy và nhận thức của các cấp, các ngành về quy hoạch còn hạn chế. Do ảnh hưởng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung nên các cấp, các ngành chưa có sự nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của quy hoạch trong nền kinh tế thị trường, còn mang nặng tư tưởng cục bộ từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến khâu lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện quy hoạch và việc ban hành những chính sách liên quan đến công tác quy hoạch. Tư tưởng chủ nghĩa bình quân, căn bệnh thành tích, tư duy nhiệm kỳ và sự phối hợp kém hiệu quả của các cấp, các ngành đã tác động tiêu cực đến công tác quy hoạch, làm cho quy hoạch thiếu khách quan, không khả thi và bị điều chỉnh tùy tiện.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch được ban hành quá nhiều, do nhiều cơ quan khác nhau ban hành ở những thời kỳ khác nhau dẫn đến thiếu đồng bộ, thống nhất với nhau; việc phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch rất phức tạp với nhiều cấp quản lý khác nhau; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện quy hoạch còn rất hạn chế; biện pháp, chế tài xử lý vi phạm pháp luật về quy hoạch còn thiếu và chưa đủ mạnh để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch.

Chính vì vậy, việc ban hành Luật Quy hoạch là cần thiết và cấp bách hiện nay để khắc phục những hạn chế, yếu kém nêu trên. Luật Quy hoạch hướng tới sự cải cách toàn diện về công tác quy hoạch để quy hoạch thực sự là công cụ quan trọng, hữu hiệu giúp Nhà nước kiến tạo sự phát triển; là giải pháp quan trọng để đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc gia.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

**1. Mục tiêu**

- Xây dựng Luật Quy hoạch có phạm vi điều chỉnh chung các loại quy hoạch phát triển trên phạm vi cả nước.

- Đổi mới nội dung và phương pháp lập quy hoạch để quy hoạch thực sự là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, gắn với cải cách thủ tục hành chính trong đầu tư, kinh doanh.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành được thống nhất từ trung ương đến địa phương.

- Tạo cơ chế thẩm định độc lập, tập trung, do một đầu mối chịu trách nhiệm; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra thực hiện quy hoạch và xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch.

**2. Quan điểm**

- Thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch trên cơ sở tuân thủ các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, đồng thời khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động quy hoạch.

- Hệ thống quy hoạch phải tuân thủ nguyên tắc từ cao xuống thấp, từ tổng thể đến chi tiết; quy hoạch địa phương phải tuân thủ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch chi tiết phải dựa trên quy hoạch tổng thể.

- Quy hoạch phải thực sự là công cụ quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội, giữ vai trò định hướng, dẫn dắt sự phát triển; đảm bảo tính công khai, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút đầu tư, cũng như việc sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực của đất nước.

**III. BỐ CỤC CỦA LUẬT**

Luật Quy hoạch bao gồm 6 chương, 59 điều, 3 phụ lục, cụ thể như sau:

- **Chương I: Những quy định chung,** gồm 13 điều (từ Điều 1 đến Điều 13), quy định phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch; hệ thống quy hoạch quốc gia; mối quan hệ giữa các loại quy hoạch; trình tự trong hoạt động quy hoạch; thời kỳ quy hoạch; chi phí cho hoạt động quy hoạch; chính sách của nhà nước về hoạt động quy hoạch; hợp tác quốc tế trong hoạt động quy hoạch; quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân trong việc tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch.

**- Chương II: Lập quy hoạch,** gồm 15 điều (từ Điều 14 đến Điều 28), quy định về thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch; nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch; tổ chức tư vấn lập quy hoạch; đánh giá môi trường chiến lược trong lập quy hoạch; lấy ý kiến về quy hoạch; căn cứ lập quy hoạch; yêu cầu về nội dung quy hoạch; nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia; nội dung quy hoạch không gian biển quốc gia; nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia; nội dung quy hoạch ngành quốc gia; nội dung quy hoạch vùng; nội dung quy hoạch tỉnh; nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

- **Chương III: Thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch,** gồm 16 điều (từ Điều 29 đến Điều 44), quy định về thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch; Hội đồng thẩm định quy hoạch; hồ sơ trình thẩm định quy hoạch; nội dung thẩm định quy hoạch; báo cáo thẩm định quy hoạch; thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; hồ sơ trình quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; trình tự, thủ tục quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia; nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; công bố quy hoạch; trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch; hình thức công bố quy hoạch; hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; cung cấp thông tin quy hoạch cho cơ quan, tổ chức, cá nhân; hình thức cung cấp thông tin quy hoạch; lưu trữ hồ sơ quy hoạch.

**- Chương IV: Thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch,** gồm 10 điều (từ Điều 45 đến Điều 54), quy định về kế hoạch thực hiện quy hoạch; chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch; nguồn lực thực hiện quy hoạch; báo cáo về hoạt động quy hoạch; trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch; nội dung đánh giá thực hiện quy hoạch; nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch; rà soát quy hoạch; căn cứ điều chỉnh quy hoạch; trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch.

**- Chương V: Quản lý nhà nước về quy hoạch,** gồm 02 điều (Điều 55, Điều 56), quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch của Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**- Chương VI: Điều khoản thi hành,** gồm 3 điều (từ Điều 57 đến Điều 59), quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động quy hoạch; hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**1. Về khái niệm “quy hoạch” và phạm vi điều chỉnh của Luật (Điều 1, Điều 3)**

Luật Quy hoạch xác định quy hoạch là việc sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ xác định để sử dụng hiệu quả các nguồn lực của đất nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững cho thời kỳ xác định (khoản 1 Điều 3).

Luật điều chỉnh chung cho tất cả các loại quy hoạch trên phạm vi cả nước về: lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia; trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch (Điều 1).

Thời kỳ quy hoạch của các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia là 10 năm. Tầm nhìn của quy hoạch cấp quốc gia là từ 30 năm đến 50 năm. Tầm nhìn của quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh là từ 20 năm đến 30 năm (khoản 2 Điều 8).

**2. Về nguyên tắc chủ yếu trong hoạt động quy hoạch (Điều 4)**

- Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch: Dự thảo quy định rõ nguyên tắc trong hoạt động quy hoạch là phải tuân thủ theo quy định của Luật quy hoạch và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; quy định phải đảm bảo tính thống nhất giữa chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và đảm bảo quốc phòng, an ninh; phải đảm bảo tính tuân thủ, tính thống nhất, tính kế thừa trong việc lập quy hoạch, tránh tình trạng điều chỉnh bổ sung quy hoạch tùy tiện, hay thay đổi quy hoạch theo tư duy nhiệm kỳ. Dự thảo cũng quy định nguyên tắc phải có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong hoạt động quy hoạch; đồng thời quy định rõ nguyên tắc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, quy định việc phân cấp, phân quyền phải hợp lý giữa các cơ quan nhà nước để thống nhất trong quản lý nhà nước về quy hoạch.

**3. Về hệ thống quy hoạch và mối quan hệ giữa các loại quy hoạch (Điều 5, Điều 6)**

- Hệ thống quy hoạch (Điều 5), gồm các loại quy hoạch sau:

+ Cấp quốc gia, bao gồm: Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch không gian biển quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; Quy hoạch ngành quốc gia.

+ Cấp vùng: Quy hoạch vùng. Chính phủ quy định chi tiết các vùng cần lập quy hoạch.

+ Cấp tỉnh: Quy hoạch tỉnh.

+ Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (do Quốc hội quy định).

+ Quy hoạch đô thị, nông thôn: Nội dung quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và việc lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và pháp luật về xây dựng. Việc công bố, công khai quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn được thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, pháp luật về quy hoạch đô thị, pháp luật về xây dựng (Điều 28).

- Mối quan hệ giữa các loại quy hoạch (Điều 6) được quy định theo hướng: Quy hoạch được lập theo thứ bậc từ trên xuống dưới; quy hoạch tổng thể quốc gia là cơ sở để lập quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch đô thị, nông thôn trên cả nước. Quy hoạch cấp dưới phải phù hợp quy hoạch cấp trên. Trong trường hợp quy hoạch cấp dưới được lập trước quy hoạch cấp trên thì quy hoạch cấp trên phải kế thừa những nội dung phù hợp của quy hoạch cấp dưới. Sau khi quy hoạch cấp trên được phê duyệt, quy hoạch cấp dưới phải được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cấp trên. Luật cũng quy định phương án xử lý trong trường hợp nội dung các quy hoạch có sự mâu thuẫn với nhau.

**4. Về các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch (Điều 13)**

Luật Quy hoạch quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quy hoạch, bao gồm:

- Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch không phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

- Lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ.

- Lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn phản biện độc lập không đủ điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận hoặc trái với quy định của pháp luật.

- Cản trở việc tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân.

- Không công bố, công bố chậm, công bố không đầy đủ quy hoạch hoặc từ chối cung cấp thông tin về quy hoạch, trừ trường hợp thông tin thuộc bí mật nhà nước; cố ý công bố sai quy hoạch; cố ý cung cấp sai thông tin về quy hoạch; hủy hoại, làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ, tài liệu.

- Thực hiện không đúng quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt.

- Can thiệp bất hợp pháp, cản trở hoạt động quy hoạch.

**5. Về tổ chức lập quy hoạch (Mục 1, Chương II)**

Để đảm bảo tính khách quan, khoa học, độc lập và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo, điều hành, Luật quy định rõ Chính phủ chỉ đạo tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia và quy hoạch vùng; các Bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập quy hoạch tỉnh, thành phố thuộc thẩm quyền quản lý (Điều 14).

Cơ quan lập quy hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương được phân công phải lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có tư cách pháp nhân và phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của Chính phủ (Điều 17).

Trong quá trình lập quy hoạch, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương liên quan và cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân khác có liên quan về quy hoạch, trừ quy hoạch ngành quốc gia thì do cơ quan tổ chức lập quy hoạch lấy ý kiến. Đối với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, cơ quan lập quy hoạch phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương liền kề. Ý kiến đóng góp phải được nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm công bố, công khai ý kiến đóng góp và việc tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp. Chính phủ quy định chi tiết việc lấy ý kiến về từng loại quy hoạch. (Điều 19)

**6. Về nội dung quy hoạch (Mục 2, Chương II)**

Luật Quy hoạch quy định rõ căn cứ quy hoạch, yêu cầu và nội dung chủ yếu của các loại quy hoạch theo hướng cấp độ quy hoạch càng xuống thấp càng thể hiện chi tiết, từ đó sẽ đảm bảo tính hiệu quả và khả thi của quy hoạch, tránh được sự chồng chéo, mâu thuẫn, trùng lặp giữa các quy hoạch, góp phần nâng cao chất lượng của quy hoạch.

Chính phủ quy định chi tiết nội dung quy hoạch và việc tích hợp quy hoạch cho từng loại quy hoạch.

**7. Về thẩm quyền thẩm định và phê duyệt quy hoạch (Mục 1, Mục 2 Chương III)**

Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng; Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tỉnh. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có thể lựa chọn tư vấn phản biện độc lập. Tư vấn phản biện độc lập phải đáp ứng điều kiện về năng lực chuyên môn phù hợp với công việc đảm nhận theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của Chính phủ (Điều 29, Điều 30).

Quốc hội quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia (khoản 1 Điều 34) do đây là những quy hoạch quyết định những định hướng phát triển lớn của đất nước và có liên quan tới quốc phòng, an ninh.

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh (khoản 2 Điều 34). Đối với quy hoạch tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (điểm i, khoản 4 Điều 16). Đối với quy hoạch thủ đô, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sau khi có ý kiến của Quốc hội (khoản 2 Điều 34).

**8. Về thực hiện quy hoạch (Mục 1, Chương IV)**

Để tăng cường tính hiệu quả và khả thi của quy hoạch sau khi được phê duyệt gắn với nguồn lực thực hiện cũng như đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, Luật quy định rõ trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch (Điều 45); trách nhiệm ban hành cơ chế, chính sách để thu hút phát triển theo quy hoạch (Điều 46); chuẩn bị các nguồn lực để triển khai thực hiện theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt (Điều 47).

**9. Về điều chỉnh quy hoạch (Mục 3, Chương IV)**

Luật Quy hoạch quy định rõ nguyên tắc điều chỉnh quy hoạch theo hướng cơ quan nào phê duyệt quy hoạch thì cơ quan đó sẽ điều chỉnh quy hoạch (Điều 51); quy định việc rà soát quy hoạch sau khi được phê duyệt để triển khai thực hiện theo đúng quy hoạch và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp khi có những biến động về kinh tế, xã hội (Điều 52). Luật cũng quy định chặt chẽ các điều kiện điều chỉnh quy hoạch (Điều 53) như: Sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội; sự điều chỉnh của quy hoạch ở cấp cao hơn; sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính; sự tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh; sự biến động bất thường của kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch; sự phát triển của khoa học, công nghệ và các điều kiện đảm bảo quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia tác động đến việc thực hiện quy hoạch và quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch phát hiện những vấn đề không còn phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước. Đồng thời, Luật cũng quy định cụ thể về hình thức điều chỉnh và trình tự tiến hành điều chỉnh quy hoạch (Điều 54).

**10. Thông tin quy hoạch và trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch (Mục 3, Chương III; Chương V)**

Nhằm thuận tiện cho việc giám sát, đánh giá quy hoạch, nhất là giám sát, đánh giá của xã hội, Luật Quy hoạch quy định toàn bộ nội dung của quy hoạch đã được phê duyệt phải được công bố công khai, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 38); trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về việc cập nhật đầy đủ tình hình triển khai thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt và công bố công khai, kịp thời cho các tổ chức, cá nhân biết và giám sát thực hiện (Điều 39); quy định thời gian phải công bố quy hoạch (Điều 38). Luật cũng quy định về hình thức công khai quy hoạch như: họp công bố, in sách, gửi văn bản, niêm yết tại cơ quan nhà nước, công thông tin điện tử,... đảm bảo phù hợp với Luật thực hành tiết kiệm, tránh lãng phí (Điều 40).

Đồng thời, để thống nhất thông tin quy hoạch phục vụ cho công tác lập, thẩm định quy hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân, Luật cũng quy định việc lập Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch (Điều 41). Theo đó, trách nhiệm xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch được quy định như sau: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và được cập nhật thường xuyên để tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; Bộ, cơ quan ngang Bộ cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp dữ liệu có liên quan thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cập nhật vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Luật quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan trong quản lý nhà nước về quy hoạch (Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), tránh chồng chéo trong quản lý (Điều 55, Điều 56).

**11. Về việc sửa đổi các luật để đảm bảo đồng bộ với Luật Quy hoạch   
(Điều 57)**

Có 08 luật quy định về quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung cụ thể tại Điều 57, nội dung sửa đổi là các nội dung đơn giản về kỹ thuật, không ảnh hưởng đến kết cấu của các luật. Đồng thời, Luật Quy hoạch đã quy định rõ việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các điều, khoản quy định về quy hoạch tại 25 luật tại Phụ lục 03 của Luật. Việc sửa đổi này sẽ được hoàn thành trước ngày 01/01/2019.

**12. Về quy định chuyển tiếp (Điều 59)**

Luật Quy hoạch quy định rõ việc chuyển tiếp các quy hoạch đã được phê duyệt và đang thực hiện (khoản 1 Điều 59). Dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch đã được công bố trước ngày Luật này có hiệu lực thì được thực hiện đến hết thời hạn của dự án đó theo quy định của pháp luật có liên quan (khoản 3 Điều 59). Đồng thời, Luật cũng quy định Chính phủ rà soát, ban hành Danh mục các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể theo đúng quy định (khoản 4 Điều 59).

**13. Khoản 2 Điều 58 của Luật Quy hoạch cho phép các quy định về lập, thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2018** để bảo đảm tiến độ triển khai xây dựng các quy hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn tiếp theo. Chính phủ bảo đảm việc cân đối và bố trí nguồn vốn để lập các quy hoạch này theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

**V. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN LỰC BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT**

**1.** **Chi phí cho hoạt động quy hoạch**

- Chi phí lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch được sử dụng từ vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chi phí đánh giá quy hoạch được sử dụng từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**2. Sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh để đảm bảo đồng bộ với Luật Quy hoạch và tránh khoảng trống pháp lý**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 59 Luật Quy hoạch, Chính phủ rà soát, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch trong các bộ luật, luật thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 3 của Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác bảo đảm phù hợp với Luật Quy hoạch và có hiệu lực thi hành chậm nhất là ngày 01/01/2019.

**3. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành**

- Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quy hoạch;

- Thông tư hướng dẫn về định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch;

- Thông tư hướng dẫn về giá trong hoạt động quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch.

**VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI**

Luật Quy hoạch là bước đột phá trong việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể là:

1. Góp phần thay đổi phương thức quản lý nhà nước theo hướng nhà nước kiến tạo và phục vụ, trong đó xác định quy hoạch là công cụ quan trọng để phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường và thúc đẩy việc huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển, nhằm giảm bớt gánh nặng đầu tư công;

2. Tạo sự thống nhất trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương để hướng tới việc khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực quốc gia;tăng cường liên kết vùng và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương.

3. Là khung pháp lý nhằm đổi mới phương pháp, nội dung quy hoạch theo phương pháp lập tích hợp, đa ngành, đảm bảo sự nhất quán và tính hiệu quả thiết thực, từ đó giúp các cấp, các ngành quản lý phát triển một cách đồng bộ, khắc phục tình trạng quản lý chia cắt, cục bộ ngành và tính cát cứ địa phương; giải quyết các vấn đề xung đột lợi ích, xung đột mang tính liên ngành, xung đột giữa các địa phương, xung đột giữa trung ương và địa phương, giữa ngành và địa phương, xung đột giữa doanh nghiệp và người dân.

4. Thiết lập cơ chế cung cấp thông tin quy hoạch đảm bảo công khai, minh bạch, từ đó nâng cao vai trò của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân khi tham gia vào các hoạt động giám sát, đánh giá và tổ chức thực hiện quy hoạch.

5. Khắc phục được tình trạng “xin-cho” các dự án trong quy hoạch thông qua việc điều chỉnh quy hoạch một cách tùy tiện, làm lãng phí nguồn lực quốc gia; đồng thời, cùng với Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp sẽ là giải pháp quan trọng để cải cách thủ tục hành chính về đầu tư, sản xuất kinh doanh, thông qua việc xóa bỏ các giấy phép trái với quy luật kinh tế thị trường.

Việc ban hành Luật Quy hoạch có ý nghĩa rất to lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước vì đây là cơ sở pháp lý thống nhất cho việc xây dựng các quy hoạch của thời kỳ 2021 - 2030.

**VII. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

Để Luật Quy hoạch đi vào cuộc sống, sớm phát huy hiệu lực, hiệu quả thì bước đầu triển khai Luật cơ bản tập trung vào một số hoạt động sau:

1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản pháp luật để bảo đảm tính thống nhất với quy định của Luật:

Các Bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành có nội dung quy định về quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hay ban hành văn bản mới theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hay ban hành văn bản mới, đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Quy hoạch trước ngày 31/12/2018.

2. Xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Quy hoạch trình Chính phủ ban hành trong quý IV năm 2018; xây dựng Thông tư hướng dẫn về định mức kinh tế - kỹ thuật lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch. Đồng thời, Bộ tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu xây dựng Thông tư hướng dẫn về giá trong hoạt động quy hoạch theo quy định tại Luật Quy hoạch.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Quy hoạch đến các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, doanh nghiệp và nhân dân; đồng thời triển khai tập huấn nội dung Luật quy định và văn bản quy định chi tiết thi hành cho cán bộ, công chức tại các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương và các tổ chức liên quan.

4. Thực thi các quy định chuyển tiếp của Luật:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, tổng hợp danh mục các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh được giao chủ trì tổ chức lập theo lĩnh vực quản lý đã được phê duyệt còn hiệu lực, các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh, thẩm định mà chưa được quyết định hoặc phê duyệt, các quy hoạch đã được lập, điều chỉnh mà chưa được thẩm định gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31/3/2018 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ; rà soát, bãi bỏ theo thẩm quyền các quy hoạch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch trước ngày 31/12/2018.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ nghiên cứu và ban hành các điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành theo thẩm quyền phù hợp với điều kiện đầu tư kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước khi các quy hoạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch bị bãi bỏ trước ngày 31/12/2018./.